

Số: 367/QĐ-ĐHVTT-NCKH

Hậu Giang, ngày 27 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bổ sung tiêu chí đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học
đối với giảng viên tại Trường Đại học Võ Trường Toản**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÕ TRƯỜNG TOẢN

Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Võ Trường Toản;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quy định Quản lý Nghiên cứu khoa học ban hành kèm theo Quyết định số 246/QĐ-ĐHVTT-NCKH ngày 30 tháng 5 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản;

Căn cứ Quyết định số 256/QĐ-ĐHVTT-NCKH ngày 03 tháng 6 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản về việc ban hành tiêu chí đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học đối với giảng viên Trường Đại học Võ Trường Toản;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Quản lý Nghiên cứu khoa học - Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung tiêu chí đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học đối với giảng viên tại Trường Đại học Võ Trường Toản (Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Mục V và Mục VI trong Phụ lục đính kèm của Quyết định số 256/QĐ-ĐHVTT-NCKH ngày 03 tháng 6 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản về việc ban hành tiêu chí đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học đối với giảng viên Trường Đại học Võ Trường Toản.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Quản lý Nghiên cứu khoa học - Hợp tác quốc tế, các đơn vị trực thuộc trường và toàn thể cán bộ, giảng viên Nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCHC, QL NCKH-HTQT.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Dương Đăng Khoa

Hậu Giang, ngày 27 tháng 9 năm 2018

PHỤ LỤC

Bổ sung tiêu chí đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường Đại học Võ Trường Toản

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 367/QĐ-ĐHVTT-NCKH ngày 27 tháng 9 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)*

V. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NCKH CỦA GIẢNG VIÊN

1. Thực hiện thành công các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học gắn với đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, phát triển kinh tế - xã hội.
2. Công bố kết quả nghiên cứu, nghiên cứu, xây dựng, thẩm định và xuất bản các tài liệu, học liệu phục vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, phát triển kinh tế - xã hội.
3. Hoạt động tư vấn về chuyển giao công nghệ; tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về KHCN.
4. Hướng dẫn sinh viên, học viên, đồng nghiệp thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học.
5. Phát triển quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu hoặc các chuyên ngành có liên quan để thúc đẩy hợp tác về đào tạo, nghiên cứu.
6. Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, phát triển quan hệ với giới khoa học chuyên ngành, hiệp hội, tổ chức nghề nghiệp thông qua việc học tập, nghiên cứu nâng cao học hàm, học vị, tham dự các hội nghị, hội thảo khoa học, đào tạo liên tục.
7. Phát minh, sáng kiến, tham gia cuộc thi nghiên cứu sáng tạo, khởi nghiệp và các hoạt động khác về KHCN.

VI. QUY ĐỔI GIỜ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Giờ chuẩn được xác định đối với mỗi đề tài hoặc nhiệm vụ NCKH. Căn cứ vào tiến độ và mức độ thực hiện trong từng năm để xác định giờ chuẩn cho đề tài hoặc nhiệm vụ NCKH. Cụ thể như sau:

STT	HOẠT ĐỘNG NCKH	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ GIỜ CHUẨN
A. Tham gia đề tài nghiên cứu khoa học			
1	Cấp khoa	giờ tối đa/đề tài	
	- Loại A (Xuất sắc)		80
	- Loại B (Giỏi)		60

STT	HOẠT ĐỘNG NCKH	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ GIỜ CHUẨN	
	- Loại C (Khá)		40	
	- Loại D (Đạt)		20	
2	Cấp trường			
	- Loại A (Xuất sắc)		200	
	- Loại B (Giỏi)		160	
	- Loại C (Khá)		120	
	- Loại D (Đạt)		80	
3	Cấp Bộ/Tỉnh			
	- Loại A (Xuất sắc)		500	
	- Loại B (Giỏi)		400	
	- Loại C (Khá)	300		
	- Loại D (Đạt)	200		
4	Cấp Nhà nước			
	- Loại A (Xuất sắc)	1000		
	- Loại B (Giỏi)	800		
	- Loại C (Khá)	600		
	- Loại D (Đạt)	500		
B. Đăng bài báo trên tạp chí khoa học				
1	Bài đăng tạp chí khoa học quốc tế	giờ/bài	100	
2	Bài đăng tạp chí khoa học chuyên ngành được tính tối đa 1 điểm (theo quy định của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước)		50	
3	Bài viết chuyên môn đăng ở các báo và tạp chí khoa học khác		30	
C. Tham dự, báo cáo tại các hội nghị, hội thảo				
1	Bài đăng kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế	giờ/bài	100	
2	Bài đăng kỷ yếu hội thảo khoa học trong nước		50	
3	Tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế	giờ/hội thảo, hội nghị	20	
4	Tham dự hội nghị, hội thảo trong nước	giờ/hội thảo, hội nghị	10	
5	Tham dự khóa đào tạo liên tục	giờ/khóa dưới 03 tháng	10	
		giờ/khóa từ 03 đến dưới 06 tháng	20	
		giờ/khóa 06 tháng trở lên	40	
D. Biên soạn sách chuyên khảo, bài giảng, tài liệu tham khảo, giáo trình				
1	Sách chuyên khảo	giờ/dưới 200 trang	100	
		giờ/từ 200 trang trở lên	200	
2	Bài giảng	giờ/tín chỉ	20	
3	Tài liệu tham khảo	giờ/dưới 200 trang	50	
		giờ/từ 200 trang trở lên	100	
4	Giáo trình mới	giờ/tín chỉ	200	

STT	HOẠT ĐỘNG NCKH	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ GIỜ CHUẨN
5	Tái bản giáo trình có chỉnh sửa, bổ sung	giờ/tín chỉ	50
6	Biên soạn hoặc chỉnh sửa Đề cương chi tiết học phần	giờ/tín chỉ	10
E. Tham gia Hội đồng khoa học			
1	Hội đồng xét duyệt tên, thẩm định đề cương: đề tài, bài giảng, giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo	giờ/đề tài hoặc khóa luận	
	- Cấp trường		
	+ Chủ tịch		30
	+ Ủy viên		20
	+ Thư ký		10
	- Cấp khoa/khóa luận tốt nghiệp		
	+ Chủ tịch		15
	+ Ủy viên		10
	+ Thư ký	5	
2	Hội đồng nghiệm thu đề cương chi tiết học phần	giờ/đề cương	
	- Chủ tịch		30
	- Ủy viên		20
	- Thư ký		10
3	Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo	giờ/chương trình	
	- Chương trình đào tạo mới		
	+ Chủ tịch		100
	+ Ủy viên		80
	+ Thư ký		50
	- Phát triển, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo		
	+ Chủ tịch		80
	+ Ủy viên		50
	+ Thư ký	30	
4	Hội đồng thẩm định đề tài, bài giảng, giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo	giờ/công trình	
	- Cấp trường		
	+ Chủ tịch		30
	+ Ủy viên		20
	+ Thư ký		10
	- Cấp khoa		
	+ Chủ tịch		15
	+ Ủy viên		10
	+ Thư ký	5	
5	Hội đồng thẩm định đề tài cấp Bộ/Tỉnh	giờ/công trình	
	+ Chủ tịch		50
	+ Ủy viên		40
	+ Thư ký		30
F. Hướng dẫn sinh viên, học viên			
1	Hướng dẫn sinh viên làm đề tài NCKH	giờ/khóa luận hoặc luận văn, luận án	50
2	Hướng dẫn sinh viên làm khóa luận		75
3	Hướng dẫn học viên viết luận văn thạc sĩ, chuyên khoa I, II		100
4	Hướng dẫn nghiên cứu sinh viết luận án		200

STT	HOẠT ĐỘNG NCKH	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ GIỜ CHUẨN
G. Hoàn thành luận văn thạc sĩ, chuyên khoa I, II, luận án tiến sĩ			
1	Chuyên khoa 1	giờ/luận văn, luận án	100
2	Thạc sĩ		150
3	Chuyên khoa 2		200
4	Tiến sĩ		250
H. Sáng kiến kinh nghiệm, hoạt động khởi nghiệp			
1	Cấp Trường	giờ/công trình	100
2	Cấp Bộ/Tỉnh		200
3	Cấp Nhà nước		500
I. Quản lý công tác NCKH			
1	Giảng viên phụ trách công tác NCKH	giờ/nhân sự	100
2	Giảng viên phụ trách công tác hợp tác quốc tế		100
3	Trưởng, phó khoa, trực thuộc phụ trách công tác NCKH, HTQT		200

2. Trường hợp không đảm bảo tiến độ nghiên cứu hoặc đề tài hoặc nhiệm vụ NCKH nghiệm thu không đạt yêu cầu, chỉ được tính tối đa 50% mức giờ chuẩn.

3. Nếu đề tài hoặc nhiệm vụ NCKH có nhiều người tham gia thì chia cho từng người tùy theo mức độ và trách nhiệm tham gia do Chủ nhiệm đề tài xác định dựa trên mức đóng góp của các thành viên.

4. Việc quy giờ chuẩn với mỗi bài báo chủ yếu dựa vào chất lượng khoa học của chính bài báo, có tham khảo uy tín khoa học của tạp chí công bố bài báo khoa học đó. Uy tín các tạp chí khoa học được xác định dựa vào danh sách các tạp chí và đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo các khoa. Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường xem xét cụ thể theo từng ngành, trình Hiệu trưởng quyết định.

5. Mỗi giảng viên đủ điều kiện chỉ được hướng dẫn tối đa 03 khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp, nếu vượt quá quy định phải được sự phê duyệt của Hiệu trưởng.

6. Các hoạt động tư vấn về chuyển giao công nghệ, kỹ thuật, kinh tế, chính trị, xã hội; thâm nhập thực tiễn, phổ biến kiến thức khoa học phục vụ đời sống; tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu KHCN và các hoạt động khác về KHCN chưa được đề cập trên đây, Nhà trường sẽ xem xét từng trường hợp cụ thể. Trường hợp cá nhân tham gia phụ trách nhiều nhiệm vụ khác thì được hưởng mức quyền lợi theo quy định cao nhất, không cộng dồn.